

Bản án số: 172/2017/DS-PT
Ngày: 14-8-2017
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Ngọc Giao

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền-Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2016/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2016/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 207/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm 1957.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Chị Lê Thị Trà M, sinh năm 1984; Cùng địa chỉ cư trú: Xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Văn bản ủy quyền ngày 21/7/2016. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Ông Thái Quang T-Luật sư, Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ: đường K, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- Bị đơn: Hợp tác xã M - xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thái H; Chức vụ: Giám đốc Hợp tác xã M-xã T; Địa chỉ: Xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Võ Thị N. Địa chỉ cư trú: Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, Văn bản ủy quyền ngày 23/3/2017. (có mặt)

- Người kháng cáo: Hợp tác xã M-xã T do ông Huỳnh Thái H – Giám đốc làm đại diện là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/5/2016, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Đào Thị N ủy quyền cho chị Lê Thị Trà M thống nhất trình bày: Bà N có canh tác diện tích 1.500m² đất trồng ớt tọa lạc tại xã T, huyện C nằm ngoài ô đê bao do Hợp tác xã M-xã T làm chủ đầu tư. Tháng 11/2015 (âm lịch), bà N xuống giống trồng ớt. Ngày 04/01/2016, bà N thu hoạch đợt 01 được sản lượng 1.200kg ớt bán với giá 10.000đ/kg, thành tiền 12.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải chị M xác định ngày bán ớt cuối cùng của đợt 01 là ngày 02/3/2016 (âm lịch) giá ớt mà bà N bán là 10.000đ/01kg.

Diện tích đất trồng ớt của bà N đang phát triển và đang trong giai đoạn thu hoạch thì ngày 04/3/2016, Hợp tác xã M -xã T bơm nước tưới tiêu để nước tràn vào ruộng ớt của bà làm cho toàn bộ ớt bị ngập úng và chết. Bà N đã dùng mọi biện pháp để xử lý nhưng không có hiệu quả. Nếu diện tích ớt bà N phát triển bình thường thì đợt 01 cho thu hoạch 2.700kg, giá của 1.200kg là 10.000đ/kg, thành tiền 12.000.000đ, 1.500kg thu hoạch sau ngày 06/03/2016 giá bán là 19.000đ/kg, thành tiền 28.500.000 đồng. Đợt 02 thu hoạch 2.250kg, giá bán là 17.000đ/kg, thành tiền 38.250.000 đồng.

Sau khi sự việc trên xảy ra bà N có trình báo với ông Huỳnh Thái H và Ủy ban nhân dân xã T để yêu cầu bồi thường thiệt hại, Ủy ban nhân dân xã T đã tổ chức hòa giải 02 lần nhưng không thành.

Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Hợp tác xã M- xã T, huyện C phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản của bà bị xâm phạm với tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

Chi phí cụ thể vụ ớt năm 2016 là:

Chi phí ban đầu:

- Hạt giống ớt 12 gói, giá 120.000đ/gói = 1.440.000 đồng;
- Chi phí cải tạo đất: 6.000.000 đồng;
- Vôi 06bao x 90.000đ = 540.000 đồng; phân GB 1,5 bao, thành tiền 925.000 đồng, thuốc sát trùng 02 bịch (nhãn hiệu hai lúa xanh) thành tiền 130.000 đồng;
- Xấn lỗ 01 người làm 03 ngày, 150.000đ/ngày x 3 ngày = 450.000 đồng; Thuê 10 người trồng ớt làm 01 ngày, 120.000đ/người/ngày x 10 người = 1.200.000 đồng;
- Bầu ớt: 12.000 bầu, thành tiền 3.600.000 đồng. Tổng chi phí ban đầu là 14.285.000 đồng.

Chi phí chăm sóc ớt từ khi trồng cho đến khi thu hoạch:

Phân lân 11 bao x 200.000đ = 2.200.000 đồng;

GB xanh 18,5 bao x 600.000đ = 1 1.100.000 đồng;

Thuốc ra rễ 05kg x 100.000đ = 500.000 đồng;

Siêu ra rễ 06 gói x 97.000đ = 582.000 đồng;

Phân Urê 02 bao x 300.000đ = 600.000 đồng;

Phân 16-16-8 là 04 bao x 500.000đ = 2.000.000 đồng;

Phân Úmit 06 gói x 80.000đ = 480.000đ;

Phân con cò 09 bao x 670.000đ = 6.030.000đ;

Phân Úmit 06kg x 80.000đ = 480.000 đồng;

Ridonlgod 49 gói x 3.000đ = 160.000 đồng;

Dưỡng trái ớt 02 chai x 60.000đ = 120.000 đồng;

Clopesan 02 chai = 98.000 đồng;

Tổng chi phí chăm sóc từ khi trồng đến khi thu hoạch là 24.350.000 đồng;

- Tổng cộng các chi phí vụ ớt năm 2016 là 38.635.000 đồng. Theo đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M cho rằng vụ ớt năm 2016 bà N có bỏ ra các

chi phí theo các hóa đơn cụ thể như sau: Mua hạt giống theo hóa đơn ngày 07/8/2015 là 1.440.000 đồng; hóa đơn ngày 05/12/2015 là 5.516.000 đồng; hóa đơn ngày 10/01/2016 là 6.317.000 đồng; hóa đơn ngày 10/02/2016 là 12.888.000 đồng, tổng cộng số tiền là 26.161.000 đồng. Chị M đồng ý trừ số tiền đã thu hoạch ớt đợt 01 là 12.000.000 đồng và 100.000 đồng bán ớt khô. Cụ thể chị M yêu cầu bị đơn bồi thường: 26.161.000đ - 12.100.000đ = 14.061.000 đồng.

Ngoài ra chị M trình bày thêm, không có việc bà N bơm nước tràn diện tích ớt vì thời gian này ớt đã chín đang hái trái nên bà N không tiến hành bơm nước. Khi ruộng ớt của bà N bị ngập nước bà N có bơm nước ra lúc 05 giờ sáng ngày 04/3/2016 sự việc được những người canh tác ớt giáp ranh chứng kiến.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm ông Huỳnh Thái H ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng K thống nhất trình bày: Ngày 04/3/2016, Hợp tác xã M- xã T có lịch bơm nước vào diện tích lúa trong ô đê bao số 01, xã T, có lịch bơm tưới gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và thông báo cho các hộ dân trong ô đê bao biết. Lịch bơm nước của Hợp tác xã M-xã T là xuyên suốt 04 ngày (trừ khi nước ròng thì không tiến hành bơm nước). Ông K không biết lý do tại sao diện tích trồng ớt của bà N bị ngập nước vì ngoài đường nước của Hợp tác xã M thì bà N còn một đường nước để tự bơm nước vào ruộng ớt. Diện tích ớt của bà N nằm ngoài diện tích bơm tưới của Hợp tác xã M. Hợp tác xã M-xã T không đồng ý bồi thường cho bà N vì diện tích ớt của bà N bị ngập úng không phải do Hợp tác xã M bơm nước tràn vào. Về chi phí cũng như sản lượng ớt, giá ớt mà chị M trình bày ông K không canh tác ớt nên không có ý kiến.

Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2016/DS-ST ngày 23/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị N về việc yêu cầu Hợp tác xã M- xã T bồi thường thiệt hại tổng cộng 14.061.000 đồng. Buộc Hợp tác xã M- xã T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đào Thị N 14.061.000 đồng.

Kể từ ngày bà Đào Thị N có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên, nếu Hợp tác xã M-xã T chưa thi hành xong thì còn phải chịu lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời

điểm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về án phí:

Bà Đào Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 500.000 đồng đã nộp theo biên lai số 01587 ngày 25/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Hợp tác xã M-xã T phải chịu 703.050 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2016, ông Huỳnh Thái H đại diện Hợp tác xã M-xã T kháng cáo không đồng ý bồi thường cho bà N số tiền 14.061.000 đồng vì cho rằng nguyên nhân dẫn đến diện tích trồng Ớt của bà N chết không phải do lỗi của Hợp tác xã M- xã T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là bà N (chủ ruộng Ớt bị nước ngập chết Ớt) khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã M-xã T bồi thường thiệt hại số tiền 14.061.000 đồng do nước của Hợp tác xã bơm tràn vào. Đây là loại tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng-thiệt hại tài sản.

[2] Về căn cứ xác định nguyên nhân dẫn đến thiệt hại: Dựa vào lời khai khởi kiện, văn bản tường trình và lời khai của người làm chứng tại phiên tòa và Biên bản xử lý nước ngập úng ngày 07/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã T đã đủ cơ sở kết luận: Hợp tác xã M- xã T bơm nước làm nước tràn ngập vào ruộng Ớt bà N làm Ớt chết gây thiệt hại tài sản của bà N là có căn cứ vững chắc. Bởi lẽ: Nước tràn đê vào ngập ruộng Ớt của bà N đêm ngày 04 rạng sáng ngày 05/3/2016 là có thật, đã được Ủy ban nhân dân xã T cử cán bộ thuộc quyền đến hiện trường lập biên bản ghi nhận ngày 07/3/2016. Thời điểm này duy nhất chỉ có nguồn nước của trạm bơm Hợp tác xã đang bơm lên ruộng lúa khu vực đê bao của Hợp tác xã. Tuy khu vực bơm nước của Hợp tác xã là khu vực phía bên kia con lộ ĐT 846, nhưng do khu vực bơm nước này có một đường cống ngang lộ liên thông qua khu vực đất bà N, vị trí đất bà

N liền kê kinh nổi dẫn nước tiếp giáp với miệng cống, theo mô tả của những người làm chứng mà đặc biệt là ông K- Phó Giám đốc Hợp tác xã thì cống này trước đó là của Hợp tác xã xây dựng để làm đường dẫn nước vào ruộng bên kia lộ, sau thời gian Hợp tác xã không còn đảm nhận việc bơm nước ruộng bên kia nên Hợp tác xã đã có đắp miệng cống lại, nhưng đắp bằng bao cát một phần từ dưới lên, không lấp kín hết miệng cống, nên khi Hợp tác xã bơm nước nước nhiều dâng cao tràn đập miệng cống chảy theo đường cống qua kinh nổi bên kia tràn vào đất bà N và có người làm chứng khác xác định khi bà N phát hiện nước ngập có nhiều người tiếp giúp bà N đào đất đắp đập miệng cống bên đất bà N, ngăn dòng chảy của nước qua đường cống, nhưng không có hiệu quả vì lúc này nước đã dâng cao ngập ruộng ớt rồi. Phía Hợp tác xã cho rằng cống ngang lộ ĐT 846 lúc thi công lộ đã cán sập bơm cát vào làm lộ lấp kín cống, nhưng qua kết quả khảo sát hiện trạng cống ngày 03/8/2017 của Tòa án Tỉnh thì đã chứng minh đường cống này vẫn còn thông lòng cống qua hết chiều ngang con lộ, cho thấy nước Hợp tác xã bơm lên ruộng đến mức tràn đập miệng cống là sẽ chảy được qua đất bà N. Các tình tiết này đã chứng minh rõ nước của của Hợp tác xã bơm tràn ngập ruộng ớt gây thiệt hại cho bà N là sự thật, Hợp tác xã không thừa nhận và không chịu trách nhiệm bồi thường là không đúng. Nên sơ thẩm xử xác định thiệt hại do Hợp tác xã gây ra và buộc nghĩa vụ Hợp tác xã bồi thường là có căn cứ.

[3] Về thiệt hại: Lẽ ra Hợp tác xã phải bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại thực tế ruộng ớt của bà N, nhưng bà N chỉ yêu cầu bồi thường một phần chi phí đầu tư do ớt chết không thu hoạch được là đã chịu một phần mất mát, có lợi cho Hợp tác xã, nên được công nhận giữ nguyên như án sơ thẩm đã xử là phù hợp.

[4] Ý kiến của Luật sư đề cập các tình tiết chứng minh hậu quả thiệt hại ruộng ớt của bà N là do Hợp tác xã trực tiếp gây ra, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà N, giữ nguyên án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Luật sư là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; Về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Từ những tình tiết nội dung nhận định trên có đủ cơ sở kết luận kháng cáo của Hợp tác xã là không có căn cứ, không chấp nhận.

Do không được chấp nhận kháng cáo nên Hợp tác xã phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Các Điều 406, Điều 408 của Bộ luật dân sự và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã M-xã T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2016/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[2] Chấp nhận yêu cầu của bà Đào Thị N về yêu cầu Hợp tác xã M-xã T bồi thường thiệt hại về tài sản. Buộc Hợp tác xã M-xã T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đào Thị N số tiền 14.061.000 đồng.

Kể từ ngày bà Đào Thị N có đơn yêu cầu thi hành án số tiền trên, nếu Hợp tác xã M-xã T chưa thi hành xong thì Hợp tác xã phải trả lãi cho bà N theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đào Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 500.000 đồng đã nộp theo biên lai số 01587 ngày 25/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Hợp tác xã M-xã T phải chịu 703.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Hợp tác xã M-xã T phải nộp 200.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 04760 ngày 07/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Cao Lãnh;
- Chi cục THADS huyện Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Văn Phương